

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/6/2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Bùi Văn Màu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1985; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm: 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị H chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 06/02/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị H đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm

trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị **H**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Đỗ Nam K**, sinh ngày 06/02/2015 và **Nguyễn Ngọc Quỳnh N**, sinh ngày 23/8/2016, hiện cháu **K** và cháu **N** đang sống với anh **P**. Khi ly hôn, anh **P** yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị **Đỗ Thị Hồng d** được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn P** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị **Đỗ Thị Hồng d** được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **P** và chị **H**.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, anh **P** yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con với chị **H** nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn chị **H** có nơi cư trú tại **huyện C** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh **P** và chị **H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã **Đ**, **huyện C**, tỉnh **Tiền Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 06/02/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh **P** cho rằng anh và chị **H** chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị **H** đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, anh **P** cương quyết xin ly hôn, còn chị **H** thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc anh **P** xin ly hôn với chị. Từ đó cho thấy chị **H** đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **P**.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Đỗ Nam K**, sinh ngày 06/02/2015 và **Nguyễn Ngọc Quỳnh N**, sinh ngày 23/8/2016, hiện cháu **K** và cháu **N** đang sống với anh **P**. Khi ly hôn, anh **P** yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, sau khi ly thân anh **P** là người trực tiếp nuôi dưỡng 02

con chung khỏe mạnh và ổn định cho đến nay. Đồng thời cháu **K** và cháu **N** cũng có nguyện vọng được sống chung với cha. Vì vậy việc giao con chung là cháu **K** và cháu **N** cho anh **P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Chị **Đỗ Thị H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **P** không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh **P** trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, chị **H** không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh **P** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Văn P**.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh **Nguyễn Văn P** được ly hôn với chị **Đỗ Thị H**.

Về con chung: Giao 02 con chung tên **Nguyễn Đỗ Nam K**, sinh ngày 06/02/2015 và **Nguyễn Ngọc Quỳnh N**, sinh ngày 23/8/2016 cho anh **Nguyễn Văn P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị **Đỗ Thị H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh **Nguyễn Văn P** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh **P** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015062 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh **P** đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn P**, bị đơn chị **Đỗ Thị H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh